TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-PT
Ngày 06-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 02/01/2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2018/QĐPT-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N; trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9, Đoàn Văn B, Phường 12, Quận 4, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: 225/6C khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 395/2017/UQTT-QTRR.17 ngày 10/3/2017); có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp V, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/5/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/6/2015, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (gọi tắt là công ty) ký Hợp đồng tín dụng số 20150620-500002-0099 với bà Nguyễn Thị Cẩm T. Theo hợp đồng, công ty cho bà T vay 26.375.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp. Theo thỏa thuận, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho công ty 40.997.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trong thời hạn 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.686.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.219.000 đồng; việc thanh toán được thực hiện vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2015. Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền vay và thanh toán cho công ty 07 kỳ với số tiền 11.802.000 đồng. Kể từ ngày 25/01/2016 cho đến nay, bà T không thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho công ty. Nay, công ty khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán cho công ty toàn bộ khoản nợ gốc tới hạn 21.199.808 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 16/6/2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, tống đạt thông báo, giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm T thanh toán số tiền 21.199.808 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 06/10/2017, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ các Điều 238, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn cho rằng ngày 16/6/2015, bà T có ký Hợp đồng tín dụng số 20150620500002-0099 với công ty để vay số tiền 26.375.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, không thế chấp tài sản. Theo thỏa thuận của hợp đồng, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi 40.997.000 đồng, trong thời hạn 24 tháng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2015. Công ty cho rằng bà T đã nhận đủ tiền và thanh toán cho công ty được 07 kỳ với số tiền 11.802.000 đồng, hiện bà T còn nợ số tiền 21.199.808 đồng (nợ gốc). Công ty khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán cho công ty số tiền 21.199.808 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là đơn đề nghị vay vốn ngày 16/6/2015 của bà T.

Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các buổi làm việc và phiên tòa sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Đơn đề nghị vay vốn ngày 16/6/2015, người đề nghị vay vốn là bà Nguyễn Thị Cẩm T, số tiền vay tại đơn đề nghị vay vốn là 30.000.000 đồng, thời hạn vay yêu cầu 24 tháng, lãi suất tối đa 3,75%/tháng.

- Về việc ký hợp đồng vay và số tiền vay:

Nguyên đơn cho rằng bị đơn ký Hợp đồng tín dụng số 20150620500002-0099 ngày 16/6/2015, tuy nhiên không cung cấp hợp đồng tín dụng đã ký kết mà chỉ có đơn đề nghị vay vốn đề ngày 16/6/2015. Số tiền vay theo trình bày tại đơn khởi kiện của nguyên đơn cũng không đúng với số tiền vay thể hiện tại đơn đề nghị vay vốn. Đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng cho bị đơn vay số tiền gốc 26.375.000 đồng, trong khi tại đơn đề nghị vay vốn, số tiền được đề nghị là 30.000.000 đồng.

- Về việc giải ngân tiền vay:

Tại đơn đề nghị vay vốn, mục B, phần thông tin giải ngân, người đề nghị vay vốn đề nghị công ty giải ngân thông qua tài khoản thanh toán của bên vay mở tại công ty với các thông tin cụ thể tại mục D. Tuy nhiên, tại mục D (phần mở tài khoản tại công ty) không có thông tin về số tài khoản và xác nhận của công ty về việc đồng ý cung cấp cho khánh hàng tài khoản theo yêu cầu của người mở tài khoản.

Ngày 19/7/2017, Tòa án đã có quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh việc công ty đã giải ngân số tiền vay, chứng cứ chứng minh bà T đã trả nợ cho công ty và cung cấp số tài khoản của bà T mở tại ngân hàng hoặc bưu cục. Công ty không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng các tài liệu theo yêu cầu cung cấp của Tòa án thì công ty đã làm thất lạc, do sai sót trong quá trình lưu trữ.

Như vậy, công ty không chứng minh được việc đã giải ngân số tiền vay cho khách hàng và việc khách hàng vay trả nợ cho công ty nên không có căn cứ chứng minh quan hệ vay vốn giữa công ty và bà T.

Công ty khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ tiền vay là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0013501 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng